TUẦN	LỚP	RHM1	RHM2	RHM3	RHM4	RHM5	RHM6
12	Học tại GĐ:	*GĐ. 1.08- TTXN-Tân Kiên*	*GĐ. 1.07-TTXN-Tân Kiên*				
23/12-27/12	THỜI GIAN HỌC						
	07g30 - 08g20		TT Mô phôi/ TT SHPT	TTLS	TT CDHA 4/ TT CR 5/ TT PHCS 6	TTLS	
	08g30 - 09g20		TT Mô phôi/ TT SHPT	TTLS	TT CDHA 4/ TT CR 5/ TT PHCS 6	TTLS	TT Y TẾ 1/ DTNK2/PHCR3
	09g30 -10g20		TT Mô phôi/ TT SHPT	TTLS	TT CDHA 4/ TT CR 5/ TT PHCS 6	TTLS	
THỨ	10g30 - 11g20		TT Mô phôi/ TT SHPT	TTLS	TT CDHA 4/ TT CR 5/ TT PHCS 6	TTLS	
HAI	13g30 - 14g20		TT Mô phôi/ TT SHPT	TT VLNK4	TT MPNK 1/ TT GTNR 2/ TT GPUD 3	TT PHTL1/TT NKCG4	
	14g30 - 15g20		TT Mô phôi/ TT SHPT	TT VLNK4	TT MPNK 1/ TT GTNR 2/ TT GPUD 3	TT PHTL1/TT NKCG4	TT Y TẾ 1
23/12/2024	15g30 - 16g20		TT Mô phôi/ TT SHPT	TT VLNK4	TT MPNK 1/ TT GTNR 2/ TT GPUD 3	TT PHTL1/TT NKCG4	
	16g30 - 17g20		TT Mô phôi/ TT SHPT	TT VLNK4	TT MPNK 1/ TT GTNR 2/ TT GPUD 3	TT PHTL1/TT NKCG4	
	07g30 - 08g20		TT Mô phôi/ TT SHPT	TTLS	TT CDHA 5/ TT CR 6/ TT PHCS 4	TTLS	
	08g30 - 09g20		TT Mô phôi/ TT SHPT	TTLS	TT CDHA 5/ TT CR 6/ TT PHCS 4	TTLS	TT Y TẾ 1/ DTNK2/PHCR3
THỨ	09g30 -10g20		TT Mô phôi/ TT SHPT	TTLS	TT CDHA 5/ TT CR 6/ TT PHCS 4	TTLS	
	10g30 - 11g20		TT Mô phôi/ TT SHPT	TTLS	TT CDHA 5/ TT CR 6/ TT PHCS 4	TTLS	
BA	13g30 - 14g20		TT Mô phôi/ TT SHPT	TT VLNK4	TT MPNK 2/ TT GTNR 3/ TT GPUD 1	TT PHTL4/TT NKCG1	
	14g30 - 15g20		TT Mô phôi/ TT SHPT	TT VLNK4	TT MPNK 2/ TT GTNR 3/ TT GPUD 1	TT PHTL4/TT NKCG1	TT Y TẾ 1
24/12/2024	15g30 - 16g20		TT Mô phôi/ TT SHPT	TT VLNK4	TT MPNK 2/ TT GTNR 3/ TT GPUD 1	TT PHTL4/TT NKCG1	
	16g30 - 17g20		TT Mô phôi/ TT SHPT	TT VLNK4	TT MPNK 2/ TT GTNR 3/ TT GPUD 1	TT PHTL4/TT NKCG1	
	07g30 - 08g20		TT Mô phôi/ TT SHPT	TTLS	TT CDHA 5/ TT CR 6/ TT PHCS 4	TTLS	
	08g30 - 09g20		TT Mô phôi/ TT SHPT	TTLS	TT CDHA 5/ TT CR 6/ TT PHCS 4	TTLS	TT Y TẾ 1/ DTNK2/PHCR3
THỨ	09g30 -10g20		TT Mô phôi/ TT SHPT	TTLS	TT CDHA 5/ TT CR 6/ TT PHCS 4	TTLS	
	10g30 - 11g20		TT Mô phôi/ TT SHPT	TTLS	TT CDHA 5/ TT CR 6/ TT PHCS 4	TTLS	
TƯ	13g30 - 14g20	GDTC R	TT Mô phôi/ TT SHPT		TT MPNK 2/ TT GTNR 3/ TT GPUD 1	TT PHTL4/TT NKCG1	
	14g30 - 15g20	GDTC R	TT Mô phôi/ TT SHPT		TT MPNK 2/ TT GTNR 3/ TT GPUD 1	TT PHTL4/TT NKCG1	TT Y TẾ 1
25/12/2024	15g30 - 16g20	GDTC R	TT Mô phôi/ TT SHPT		TT MPNK 2/ TT GTNR 3/ TT GPUD 1	TT PHTL4/TT NKCG1	
	16g30 - 17g20	GDTC R	TT Mô phôi/ TT SHPT		TT MPNK 2/ TT GTNR 3/ TT GPUD 1	TT PHTL4/TT NKCG1	
	07g30 - 08g20			TTLS		TTLS	
	08g30 - 09g20			TTLS		TTLS	TT Y TẾ 1/ DTNK2/PHCR3
THỨ	09g30 -10g20			TTLS		TTLS	
	10g30 - 11g20			TTLS		TTLS	
NĂM	13g30 - 14g20	GDTC R		TT VLNK4		TT PHTL1/TT NKCG4	
	14g30 - 15g20	GDTC R		TT VLNK4		TT PHTL1/TT NKCG4	TT Y TẾ 1/ NHR-PN2
26/12/2024	15g30 - 16g20	GDTC R		TT VLNK4		TT PHTL1/TT NKCG4	
	16g30 - 17g20	GDTC R		TT VLNK4		TT PHTL1/TT NKCG4	
	07g30 - 08g20		TT KÝ SINH TRÙNG	TTLS		TTLS	
	08g30 - 09g20		TT KÝ SINH TRÙNG	TTLS		TTLS	TT Y TẾ 1/ DTNK2/PHCR3
THỨ	09g30 -10g20		TT KÝ SINH TRÙNG	TTLS		TTLS	
	10g30 - 11g20		TT KÝ SINH TRÙNG	TTLS		TTLS	
SÁU	13g30 - 14g20	TRIẾT HỌC MLN	TT. HS1/HS2	TT VLNK4		TT PHTL4/TT NKCG1	
	14g30 - 15g20	TRIẾT HỌC MLN	TT. HS1/HS2	TT VLNK4		TT PHTL4/TT NKCG1	TT Y TẾ 1/ NHR-PN2
27/12/2024	15g30 - 16g20	TRIẾT HỌC MLN	TT. HS1/HS2	TT VLNK4		TT PHTL4/TT NKCG1	
	16g30 - 17g20	TRIẾT HỌC MLN	TT. HS1/HS2	TT VLNK4		TT PHTL4/TT NKCG1	
	07g30 - 08g20						
THỨ	08g30 - 09g20						
	09g30 -10g20						
BẢY	10g30 - 11g20						
	13g30 - 14g20			TT.GPB			
28/12/2024	14g30 - 15g20			TT.GPB			
	15g30 - 16g20			TT.GPB			
	16g30 - 17g20			TT.GPB			

Ghi chú:
- Thứ 6 lớp RHM1 học tại giảng đường 1.08 - Trung tâm xét nghiệm Tân Kiên - cơ sở 2
- Điều dưỡng cơ bản lớp RHM2 học tại lầu 4 - khu A2 - cơ sở 1
- Thực tập ký sinh, hóa sinh lớp RHM2 học tại Trung tâm xét nghiệm Tân Kiên - cơ sở 2